

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *174* /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 5 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng;

Xét Đơn và hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-STNMT ngày 27/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng được khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

- Diện tích mỏ: 41.830 m², gồm 2 khu vực: Khu vực 1 có diện tích 34.530 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 28.670 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 12, diện tích khu vực khai trường là 5.860 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 6 đến 19; khu vực 2 có diện tích 7.300 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 4.420 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 20 đến 24, diện tích khu vực khai trường là 2.880 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 21 đến 28, có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 2.076.653 m³; trong đó, trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 1.931.638 m³; trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 145.015 m³;

+ Trữ lượng được khai thác: 442.500 m³; trong đó, trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 411.600 m³; trữ lượng đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 30.900 m³;

- Công suất khai thác: 15.000 m³/năm;

- Mức sâu khai thác: Đến cos +20 m;

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 06 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

b) Cho Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng thuê 41.830 m² đất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 1316/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 17/6/2014;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản và làm khai trường, đơn vị đang quản lý, sử dụng;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn sử dụng: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

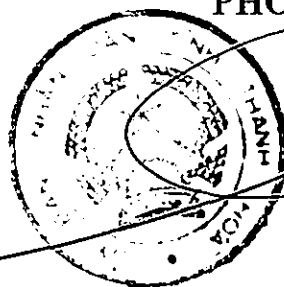
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Doanh nghiệp TN Thành Đồng;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa
Số đăng ký:.....ĐK/KT
Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 174 /GP-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	2216 430,3	584 975,9
2	2216 384,5	585 057,8
3	2216 309,1	585 012,8
4	2216 300,8	584 883,2
5	2216 339,1	584 815,8
6	2216 517,5	584 789,0
7	2216 514,6	584 838,1
8	2216 491,8	584 851,0
9	2216 439,1	584 851,7
10	221 6407,0	584 883,7
11	2216 399,6	584 942,7
12	2216 430,5	584 959,8
13	2216 430,7	584 832,0
14	2216 424,5	584 899,3
15	2216 444,9	584 871,1
16	2216 499,4	584 873,0
17	2216 536,4	584 855,3
18	2216 543,4	584 838,8
19	2216 542,4	584 787,6
20	2216 273,5	584 646,1
21	2216 200,4	584 622,6
22	2216 185,4	584 687,0
23	2216 225,2	584 691,5
24	2216 249,9	584 704,4
25	2216 245,3	584 715,8
26	2216 222,1	584 706,5
27	2216 162,5	584 713,1
28	2216 181,4	584 616,5